

Phụ lục số II
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH VIETTEL
Năm báo cáo 2013

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Công trình Viettel
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0104753865
- Vốn điều lệ: 238.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 238.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 1 - Giang Văn Minh - Ba Đình - Hà Nội
- Số điện thoại: 04 6275 1783
- Số fax: 04 6275 1783
- Website: congtrinhviettel.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Việc thành lập: Công ty Cổ phần Công trình Viettel được cấp giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 09 tháng 06 năm 2010 và cấp đăng ký thay đổi lần 01 ngày 11 tháng 11 năm 2010 tại Phòng Đăng ký kinh doanh số 01 – Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội.

- Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần: Công ty CP Công trình Viettel được chuyển đổi (cổ phần hoá) từ Công ty TNHH Nhà nước một Thành viên Công trình Viettel (MSDN: 0100109106-071, do Sở KHĐT TP Hà Nội cấp ngày 25/01/2006) theo Quyết định số 135/QĐ-BQP ngày 15/01/2010 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng.

- Niêm yết: Công ty CP Công trình Viettel chưa thực hiện việc niêm yết trên thị trường chứng khoán;

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

STT	Ngành nghề kinh doanh
1	Sản xuất sản phẩm chịu lửa
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
3	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
4	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
5	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu
6	Đúc sắt thép

7	Sản xuất các cấu kiện kim loại
8	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại
9	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
10	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính
11	Sản xuất thiết bị truyền thông
12	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học
13	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác
14	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại
15	Sửa chữa thiết bị điện
16	Xây dựng nhà các loại
17	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
18	Xây dựng công trình công ích
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
20	Phá dỡ
21	Chuẩn bị mặt bằng
22	Lắp đặt hệ thống điện
23	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
24	Hoàn thiện công trình xây dựng
25	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
26	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
27	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
28	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
29	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
30	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
31	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
32	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

33	Hoạt động viễn thông có dây
34	Hoạt động viễn thông không dây
35	Hoạt động viễn thông khác
36	kiểm tra và phân tích kỹ thuật
37	Kinh doanh bất động sản
38	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác
39	Sửa chữa thiết bị liên lạc
40	Xây dựng, lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng viễn thông;
41	Khai thác và thu gom than cứng;
42	Khai thác và thu gom than non;
43	Khai thác quặng sắt;
44	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
45	Khai thác quặng kim loại quý hiếm;
46	Khai thác cát đá sỏi, đất sét;
47	Khai thác khoáng hoá chất và phân bón;
48	Khai thác và thu gom than bùn;
49	Khai thác muối;
50	Hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
51	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
52	Sản xuất sắt, thép, gang;
53	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
54	Đúc kim loại màu;
55	Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
56	Vận tải hàng hoá đường thuỷ nội địa;
57	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
58	Bốc xếp hàng hoá;

59	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ hàng không);
60	Kiểm tra, kiểm soát chất lượng mạng và dịch vụ viễn thông;

– Địa bàn kinh doanh: Việt Nam, Haiti, Peru.

4. *Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý*

– Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

+ Đại hội cổ đông: gồm có tổng số 1725 cổ đông

Trong đó:

➤ Cổ đông tổ chức có 4 cổ đông, cổ đông cá nhân 1721 cổ đông;

➤ 01 cổ đông lớn chiếm 72,06% vốn điều lệ, 1724 cổ đông nhỏ chiếm 27,94% vốn điều lệ

+ Hội đồng quản trị: gồm 05 thành viên, 02/05 thành viên HĐQT cũng nằm trong Ban giám đốc Công ty

+ Ban Kiểm soát: gồm 03 thành viên

+ Ban Giám đốc: gồm 04 thành viên, 02/04 thành viên BGĐ cũng là thành viên HĐQT

+ Các phòng, ban chức năng, 04 Xí nghiệp, 02 Công ty con

– Các công ty con: 2 công ty:

➤ Viettel Construction Haiti S.A: hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình viễn thông tại Haiti.

Vốn Công ty CP Công trình Viettel góp: 2.430 USD (Hai ngàn bốn trăm ba mươi đô la Mỹ) chiếm 98% tổng vốn điều lệ Viettel Construction Haiti S.A (tổng vốn điều lệ Viettel Construction Haiti S.A là 2.480 USD.

➤ Viettel Construction Peru: hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình viễn thông tại Peru

Vốn Công ty CP Công trình Viettel góp: 9.990 USD (Chín ngàn chín trăm chín mươi đô la Mỹ) chiếm 99% tổng vốn điều lệ Viettel Construction Peru (tổng vốn điều lệ Viettel Construction Peru là 10.000 USD.

5. *Định hướng phát triển*

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

+ Tiếp tục xây dựng Công ty theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả;

+ Phát huy thế mạnh đã có thực hiện mục tiêu trở thành Công ty xây lắp và bảo dưỡng chuyên ngành viễn thông hàng đầu Việt Nam. Xác định nhiệm vụ xây lắp các công trình viễn thông và bảo dưỡng chuyên ngành là trọng tâm. Mở rộng các ngành nghề mới như xây dựng dân dụng, liên danh sản xuất cơ khí, thi công các dự án công nghệ cao...;

+ Phát triển thi công xây lắp tại các thị trường nước ngoài mà Tập đoàn đầu tư phát triển, cụ thể: 20% khối lượng thi công xây dựng, 75-80% khối lượng lắp dựng và lắp đặt, 50-60% khối lượng thi công cáp quang;

+ Phát triển thi công xây lắp tại thị trường trong nước phấn đấu đạt 55 – 60% cả về khối lượng cũng như giá trị các công trình viễn thông trong nước Tập đoàn đầu tư.

+ Xây dựng và hoàn thiện Công ty phát triển thành Công ty toàn cầu về xây lắp hạ tầng viễn thông.

- Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:

+ Không thực hiện các hoạt động gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và cộng đồng;

+ Tích cực tham gia các hoạt động xã hội từ thiện để góp phần đưa hình ảnh thân thiện của Công ty đến với mọi người.

6. Các rủi ro, thách thức trong năm 2014:

- Năm 2014, được dự báo là một năm còn nhiều khó khăn đối với nền kinh tế do tiếp tục chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Chính phủ tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, minh bạch hóa đầu tư công.

- Hiện tại, ngành xây dựng viễn thông đi vào giai đoạn bão hòa vì hệ thống hạ tầng viễn thông đã cơ bản được xác lập đồng bộ trên cả nước. Do đó nhu cầu đầu tư mới khá hạn chế mà chủ yếu là tập trung đầu tư thay thế hoặc bảo trì, bảo dưỡng.

- Tại các thị trường nước ngoài, việc phát triển kinh doanh hạ tầng viễn thông đều có sự tham gia của các nhà cung cấp thiết bị chuyên nghiệp. Những công ty họ có lợi thế về việc cung cấp dịch vụ trọn gói – turn key. Tạo áp lực cạnh tranh vô cùng lớn cho Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013:

- ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.289.670.473.302
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.289.670.473.302
Giá vốn hàng bán	1.175.762.983.653
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.907.489.649
Doanh thu hoạt động tài chính	552.461.053
Chi phí tài chính	934.814.571
Chi phí bán hàng	63.314.266
Chi phí quản lý doanh nghiệp	43.017.668.893
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	70.444.152.972
Thu nhập khác	17.946.751.522
Chi phí khác	471.431.097
Lợi nhuận khác	17.475.320.425
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	87.919.473.397
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	65.530.761.687

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch: mặc dù gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã nắm bắt tốt các cơ hội kinh doanh, đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời, điều hành sát thực tế, quyết liệt nên đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013.

+ Tổng doanh thu năm 2013 đạt 1308,17 tỉ bằng 126% kế hoạch năm.

+ Hiệu quả SXKD: Lợi nhuận trước thuế đạt 87.919 trđ bằng 197,2% kế hoạch năm, kế hoạch năm là 44.591 trđ, bằng 197,2% năm 2012 (năm 2012 là 44.577,6 trđ).

Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH đạt 18.5%, hoàn thành 187,2% kế hoạch năm 2013, dự kiến trả cổ tức 10% (1000 đ/CP), bằng 100% kế hoạch năm 2013 và bằng 100% cổ tức năm 2012.

2. Tổ chức và nhân sự

– Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Năm sinh	Chỗ ở hiện nay	Chức vụ	Trình độ		Tỷ lệ cổ phần sở hữu
					Chuyên môn	Chính trị	
1	Tô Văn Hùng	1956	Lô26D-Đường Trần Thái Tông - phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội	Giám đốc	Đại học	Cao cấp	0.277
2	Trần Đình Hà	1963	Phòng 502 – G1 – Phường Vĩnh Phúc – Quận Ba Đình – Hà Nội.	Phó GD	Đại học	Cao cấp	0.216
3	Nguyễn Văn Thúc	1959	Tổ 37 – Phường Láng hạ - Đống đa – Hà Nội.	Phó GD	Đại học	Cao cấp	0.164
4	Vũ Phương Tây	1978	Tập thể Bộ Xây dựng – Minh Khai – Quận Hai Bà Trưng – Hà Nội.	Phó GD	Đại học	Cao cấp	0.355

– Số lượng cán bộ, nhân viên: lao động bình quân 559 người

Công ty luôn thực hiện đúng các quy định của nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm 2013 Công ty không thực hiện hoạt động đầu tư lớn nào.

b) Các công ty con:

+) Tình hình tài chính của Viettel Construction Haiti S.A. năm 2013 (các ô thông tin bị để trống là do Công ty Viettel Construction Haiti S.A. đang tạm ngừng hoạt động và năm 2013 không phát sinh chi phí để hạch toán)

- DVT: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Tổng tài sản	42.381.633.645
Nợ ngắn hạn	37.815.134.377
Nợ dài hạn	
Vốn chủ sở hữu	4.566.499.268
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Giá vốn hàng bán	
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	
Doanh thu hoạt động tài chính	
Chi phí tài chính	
Chi phí bán hàng	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	

+) Tình hình tài chính của Viettel Construction Peru S.A.C năm 2013

- DVT: đồng

Chỉ tiêu	Số tiền
Tổng tài sản	23.590.500.297
Nợ ngắn hạn	22.912.981.135
Nợ dài hạn	
Vốn chủ sở hữu	677.519.162
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.767.460.141
Giá vốn hàng bán	33.691.608.638
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.075.851.503
Doanh thu hoạt động tài chính	
Chi phí tài chính	934.814.571
Chi phí bán hàng	
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.266.951.753
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	874.085.179
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	878.743.341
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế	474.005.717

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.043.445.652.145	844.220.173.633	-19,09%
Doanh thu thuần	1.025.296.788.719	1.289.670.473.302	25,79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	13.199.105.536	113.907.489.649	762,99%
Lợi nhuận khác	31.377.582.333	17.475.320.425	-44,31%
Lợi nhuận trước thuế	44.576.687.869	87.919.473.397	97,23%

Lợi nhuận sau thuế	32.886.505.037	65.530.761.687	99,26%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	79,6%	36,30%	-54,40%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,68	1,86	
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,4	0,86	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,68	0,557	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,13	1,26	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	1,29	2,01	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,98	1,366	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,032	0,051	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,10	0,185	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,032	0,069	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,013	0,0546	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tổng số cổ 23.800.000 Cổ phần phổ thông, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do là 23.800.000 Cổ phần và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hay cam kết của người sở hữu là 0 Cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông lớn chiếm 72,06% tỷ lệ sở hữu, Cổ đông nhỏ chiếm 27,94% tỷ lệ sở hữu
- Cổ đông tổ chức có 4 cổ đông, cổ đông cá nhân 1721 cổ đông

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: không có sự thay đổi.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có cổ phiếu quỹ, không có giao dịch.
- e) Các chứng khoán khác: Không có.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Mặc dù năm 2013 là một năm có nhiều khó khăn nhưng với sự điều hành quyết liệt của BGĐ Công ty, sự nỗ lực cố gắng của toàn thể CBCNV, năm 2013 công ty đã đạt được những kết quả như sau:

- + Hoàn thành 126,2% kế hoạch chỉ tiêu doanh thu.
- + Lợi nhuận trước thuế đạt 87.919 trđ bằng 197.2% kế hoạch năm (KH năm là 44.591 trđ).
- + Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH đạt 18,5%, hoàn thành 187% KH năm 2013.
- + Năng suất, lao động bình quân toàn công ty đạt 1,761 tỉ, vượt 19,1% KH năm 2013.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Tài sản ngắn hạn	976.630.443.126	796.770.315.766
Tài sản dài hạn	66.815.209.019	47.449.857.867
Tổng tài sản	1.043.445.652.145	844.220.173.633
Hệ số tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	93,6%	94,38%
Hệ số tài sản dài hạn/Tổng tài sản	6,4%	5,62%
Hệ số tài sản ngắn hạn TB/Doanh thu thuần	114,74%	68,75%
Hệ số tài sản ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu	293%	213,28%
Hệ số tài sản dài hạn TB/Doanh thu thuần	7,45%	4,43%
Hệ số tài sản dài hạn/Vốn chủ sở hữu	20%	12,70%

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2012	Năm 2013
Nợ ngắn hạn	581.879.652.692	428.029.994.096
Nợ dài hạn	128.018.014.500	42.522.952.323
Hệ số nợ ngắn hạn/Tổng nguồn vốn	55,8%	50,70%
Hệ số nợ dài hạn/Tổng nguồn vốn	12,3%	5,04%
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,68	1,86
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,4	0,86

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Nhóm giải pháp về mô hình tổ chức:

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình, cơ cấu tổ chức, bộ máy để tăng cường hiệu quả hoạt động.
- Hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định của công ty, tăng cường hiệu quả quản lý, hiệu quả điều hành của đơn vị.
- Xây dựng đội ngũ có tính kế tiếp và hệ thống nhằm đảm bảo nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. Thực hiện luân chuyển cán bộ giữa cơ quan và đơn vị nhằm đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ.

- Điều hành SXKD nâng cao năng suất, nâng cao chất lượng công trình xây dựng
- Tìm kiếm công việc phát triển bền vững, mở ra không gian mới trên cơ sở những công việc cũ:

4. **Kế hoạch SXKD 2014**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH 2013	KH 2014	KH2014/ TH2013
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	844.220	970.550	115%
2	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	373.575	413.756	111%
3	Nợ phải trả Trong đó:	Triệu đồng	470.553	556.794	118%
	- Nợ vay ngắn hạn		428.030	518.523	121%
	- Nợ vay dài hạn		42.523	38.271	-10%
4	Doanh thu và thu nhập khác	Triệu đồng	1.308.170	1.375.756	105%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	65.530	70.707,75	108%
6	Đầu tư	Triệu đồng	1.077	11.678	1084%
7	Lao động bình quân	Người	559	715	127%
8	Năng suất lao động	Tr.đồng/ng/tháng	278,4	285	102%
9	Thu nhập bình quân	Tr.đồng/ng/tháng	17,4	22,75	131
11	Tỷ suất LNTT/doanh thu	%	6,8%	6,72	98,8%
11	Tỷ suất LNST/vốn chủ sở hữu	%	18,5%	17,96%	97%
12	Tỷ lệ trả cổ tức	%	10%	8-10%	80-100%

5. **Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**

Căn cứ vào thông tư 52/2012/TT- BTC ban hành ngày 05 tháng 04 năm 2012 về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,

Kết thúc năm tài chính 2013 Công ty có mời đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện soát xét báo cáo tài chính cho đơn vị. Về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán viên về việc chưa thể đánh giá được mức độ hợp lý của Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2013, Công ty Cổ phần Công trình Viettel xin giải trình như sau:

Hiện tại, Công ty CP Công trình Viettel có hơn 600 hợp đồng ký với Chủ Đầu tư đang triển khai thi công dở dang. Đặc tính của các hợp đồng này là một hợp đồng bao gồm rất nhiều các công trình nhỏ, một công trình lại bao gồm nhiều hạng mục, được thi công dàn trải trên phạm vi cả nước. Ví dụ: Hợp đồng 260711 về việc thi công các trạm BTS năm 2011, số trạm theo hợp đồng gồm: 1.695 trạm 2G, 2.100 trạm 3G, 2.589 trạm Cosite (một trạm là một công trình), một trạm 2G bao gồm các hạng mục: xây dựng móng cột, xây dựng nhà trạm, thi công kéo điện, lắp dựng cột – tiếp địa, lắp đặt thiết bị BTS 2G. Do đặc tính nêu trên nên các hợp đồng thường rất khó khăn trong việc hoàn thành một cách đồng bộ, và thời gian thực hiện hợp đồng thường bị kéo dài. Đây là một sự thật do khách quan rất khó thực hiện.

Tại thời điểm cuối kỳ kế toán năm 2013, Công ty CP Công trình Viettel đã nỗ lực đơn đốc thanh toán toàn bộ chi phí sản xuất trực tiếp phát sinh của các Xí nghiệp trực thuộc, các đối tác ký hợp đồng thi công với Công ty. Tuy nhiên vì các công trình nằm rải rác trên phạm vi cả nước, địa hình thi công khó khăn nên tại thời điểm kết thúc năm tài chính không thể làm đầy đủ thủ tục nghiệm thu, lập hồ sơ thanh quyết toán chi phí cho toàn bộ các công trình thi công dở dang. Theo ước tính phần chi phí chưa được tập hợp vào Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang vì lý do nêu trên là không nhiều và cân đối giữa sản lượng dở dang và chi phí dở dang của Công ty ở mức an toàn.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Mặc dù gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên Công ty đã hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2013;

Công ty đã thu nộp đầy đủ các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật;

Công ty đã thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định hiện hành.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc Công ty đã luôn cố gắng, nỗ lực trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và định hướng phát triển của Công ty góp phần hoàn thành hầu hết các chỉ tiêu mà Kế hoạch 2013 đã đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị hoạt động với mục đích nhằm mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông công ty. Do đó HĐQT sẽ bám sát mục tiêu phát triển của công ty đề ra các quyết sách đúng đắn, mang lại hiệu quả cao cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2014 và những năm tiếp theo.

Tiếp tục giám sát, điều hành hoạt động của Ban Giám đốc Công ty, để đảm bảo mọi hoạt động của công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty và sử dụng có hiệu quả đồng vốn của các cổ đông công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu	Chức vụ tại công ty khác
Hoàng Công Vĩnh	Chủ tịch HĐQT	0.225	Phó TGD Tập đoàn VTQĐ; Chủ tịch HĐQT Công ty CP TVTK Viettel
Đào Thúy Hường	TV HĐQT	0	PP Tài chính Tập đoàn VTQĐ; TV HĐQT Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel
Tô Văn Hùng	TV HĐQT/ Giám đốc	0.277	
Trần Đình Hà	TV HĐQT Phó GĐ	0.216	
Nguyễn Văn Thúc	TV HĐQT (đến ngày 25/04/2013) Phó GĐ	0.164	
Lê Tiến Dũng	TV HĐQT (từ ngày 25/04/2013)		TP Kế hoạch Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: trong năm 2013, HĐQT không thành lập các tiểu ban thuộc.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Trong năm 2013, HĐQT đã thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tổ chức công việc theo phương pháp khoa học mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho công ty và cho các cổ đông. Từng thành viên HĐQT đã phát huy vai trò của mình, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Năm 2013, HĐQT đã tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, và HĐQT cũng đã tổ chức họp 07 lần để bàn thảo, thông qua các vấn đề quan trọng của Công ty như: vấn đề nhân

sự, thông qua các quyết định chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	02/NQ-CT-HĐQT	29/01/2013	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh quý IV/2012, Kế hoạch SXKD quý I/2013.
2	03/NQ-CT-HĐQT	09/04/2013	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2013, Kế hoạch SXKD quý II/2013, chuẩn bị nội dung họp Đại hội cổ đông thường niên.
3	402/NQ-CTh-HĐQT	24/05/2013	Miễn nhiệm, bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng Công ty, quyết định thời gian chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức, thời hạn chi trả cổ tức và thủ tục chi trả cổ tức 2012.
4	454/NQ – CTh – HĐQT	11/06/2013	Giao nhiệm vụ cho cán bộ.
5	/NQ – CTH – HĐQT	31/07/2013	Thông qua Kết quả sản xuất Kinh doanh quý II/2013, Kế hoạch SXKD quý III/2013.
6	/NQ – CTH – HĐQT	15/08/2013	Thông qua hạn mức vay vốn và bảo lãnh tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đồng Đa.
7	/NQ – CTH – HĐQT	14/11/2013	Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh quý III/2013, Kế hoạch SXKD quý IV/2014.

Tại các phiên họp, các thành viên HĐQT tham dự đầy đủ. Các phiên họp HĐQT đều có sự tham dự của BKS, Ban Giám đốc và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, các đoàn thể. Các quyết định thông qua tại phiên họp đều nhận được sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành: tham dự đầy đủ các phiên họp HĐQT.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: không có

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu
Đặng Thị Kim Hoa	Trưởng Ban Kiểm soát	0.034
Trương Thị Thu Hà	TV Ban Kiểm soát	0.034
Nguyễn Bá Nhiên	TV Ban Kiểm soát	0.198

- b) Hoạt động của Ban kiểm soát:
- Năm 2013, BKS đã tổ chức 4 cuộc họp, tham dự 7 cuộc họp của HĐQT. Các quyết định đã được thông qua tại cuộc họp BKS gồm:
 - BKS đã thẩm định báo cáo tài chính được kiểm toán của Công ty. Nhất trí với nội dung Báo cáo của HĐQT, BGD.
 - Thông qua việc phân công lại nhiệm vụ cho từng thành viên BKS.
 - Thông qua việc đề xuất HĐQT lựa chọn công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC là công ty thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Thù lao và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

Năm 2013, việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo đúng mức đã được ĐHĐCĐ thông qua, cụ thể:

- Chủ tịch HĐQT: 3 triệu đồng/tháng.
- Thành viên HĐQT: 2 triệu đồng/thành viên/tháng.
- Trưởng BKS: 2 triệu đồng/tháng.
- Thành viên BKS: 1 triệu đồng/thành viên/tháng
- Tổng mức thù lao đã trả cho các thành viên HĐQT và BKS trong năm 2013: 180.000.000 đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).
- Chi phí đi lại: không.
- Chi phí thuê tư vấn: không.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: các hoạt động quản trị công ty đều tuân theo quy định của pháp luật.

VI. Báo cáo tài chính

Ý kiến kiểm toán và Báo cáo tài chính được kiểm toán (Đính kèm và đã được đăng tải trên Website: congtrinhviettel.com.vn tại phần Thông tin cổ đông/Báo cáo tài chính).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Tô Văn Hùng